

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC  
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0400100457, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27/03/2007 đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018)

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

Địa chỉ: 60 Mẹ Nhu, p. Thanh Khê Tây, q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3759002 Fax: 0236.3759622

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**



Biên cơ hội thành giá trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Trụ sở chính: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3818 1888 Fax: (84-24) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3915 1368 Fax: (84-28) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-236) 3525 777 Fax: (84-236) 3525 779

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: **Đặng Văn Trường**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại : 0903.511.567


Tháng 11 năm 2019

## MỤC LỤC

<b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....</b>	<b>3</b>
1. Giới thiệu về Tổ chức đăng ký Giao dịch.....	3
2. Giới thiệu về Chứng khoán đăng ký giao dịch.....	4
3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
4. Quá trình tăng vốn của Công ty.....	7
5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	8
6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 28/2/2019:.....	9
7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.....	12
8. Hoạt động kinh doanh.....	12
9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	14
10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	14
11. Chính sách đối với người lao động.....	15
12. Chính sách cổ tức.....	17
13. Tình hình tài chính.....	17
14. Tài sản của Công ty:.....	22
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	25
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	27
17. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh.....	27
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu.....	27
<b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>27</b>
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị.....	27
2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban kiểm soát.....	28
3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban Giám đốc.....	35
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	36
<b>III. PHỤ LỤC.....</b>	<b>37</b>

**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

**1. Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch**

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**
- Tên Tiếng Anh : **March 29 Textile – Garment Joint Stock Company**
- Địa chỉ : **60 Mẹ Nhu, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng**
- Điện thoại : **0236.3759002**
- Fax : **0236.3759622**
- Website : **www.hachiba.com.vn**
- Vốn điều lệ thực góp : **51.992.740.000 đồng**
- Vốn điều lệ đăng ký : **51.992.740.000 đồng**
- Người đại diện theo pháp luật : **Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt – Chức vụ: Tổng Giám đốc**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : **số 0400100457, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27/03/2007 đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018**
- Hoạt động kinh doanh chính : **May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) - Mã ngành: 1410**
- Logo : 
- Ngày được chấp thuận là Công ty đại chúng : **07/07/2010**
- Ngành nghề kinh doanh : **- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), mã ngành 1410 (Chính)**  
**Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may.**  
**- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, mã ngành 4669**  
**Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật**

liệu ngành dệt may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại.

- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, mã ngành 4771

Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn

- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, mã ngành 4641

Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn.

## 2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Dệt may 29/3
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: HCB
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 5.199.274 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc quy định của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài.

Căn cứ theo Điều 1, Khoản 2, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a. *“Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế”.*

b. *“Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó”.*

*“Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”.*

c. *“Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác”.*



*d. “Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”*

Theo thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (website: <https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi>) thì Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 không hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. Áp dụng Điểm d, Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty Cổ phần dệt may 29/3 là **không hạn chế**

Tại thời điểm ngày 15/11/2019, Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 không có cổ đông nước ngoài.

### **3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Dệt May 29/3 (Hachiba) là tiền thân của một Tổ hợp dệt khăn bông 29-3 được thành lập ngày 29/03/1976. Tháng 11/1978 được UBND tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng ký quyết định chuyển đổi thành Xí nghiệp công tư hợp doanh Dệt 29-3.

Ngày 30/03/1984, chính thức trở thành nhà máy dệt quốc doanh mang tên Nhà máy dệt 29/3. Trong nhiều năm qua, nhà máy được Nhà nước bình chọn là “Lá cờ đầu” và được tặng nhiều cờ, bằng khen của Thủ tướng chính phủ, của Bộ ngành và địa phương.

Nhà máy ban đầu có cơ sở sản xuất chỉ 3.000m<sup>2</sup>, đến nay quy mô Nhà máy trên 60.000m<sup>2</sup> với hàng chục nghìn m<sup>2</sup> nhà xưởng khang trang, hiện đại.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, ngày 29/03/2007 theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29/03/2006 của UBND thành phố Đà Nẵng, Công ty cổ phần Dệt May 29/3 được thành lập với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng. Đến ngày 19/07/2007 và 14/12/2011, vốn điều lệ của công ty lần lượt là 35 tỷ đồng và 42 tỷ đồng. Ngày 20/11/2018, Công ty hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ với vốn điều lệ hiện tại là 51.992.740.000 đồng.

Ngày 07/02/2007, tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại trụ sở Công ty với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.500.000 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 17.218 đồng/ cổ phần.

Ngày 16/03/2007, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.

Ngày 27/03/2007, Công ty Dệt may 29/3 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001358, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2007 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018.

Ngày 01/10/2007, Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 725/UBCK-QLPH của UBCKNN.

Ngày 07/07/2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 156/2010/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu

đăng ký là 3.500.000 cổ phiếu.

***Các thành tựu mà công ty đã đạt được:***

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình, Công ty cổ phần Dệt may 29/3 đã đạt được các thành tích sau:

- Công ty đã vinh dự đón nhận các huân chương cao quý của nhà nước trao tặng như: Huân chương độc lập hạng 3; huân chương lao động hạng nhất; huân chương chiến công hạng 3
- Huy chương vàng, bạc, đồng tại các hội chợ trong nước.
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín trong nhiều năm liền.
- Cúp vàng “Vì sự phát triển cộng đồng” lần IV năm 2009.
- Giải thưởng: “Doanh nghiệp ứng dụng hiệu quả Công nghệ thông tin năm 2009” trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nhiều năm đạt danh hiệu: “Hàng Việt Nam chất lượng cao”
- Được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Công Thương năm 2015.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng cho Công ty đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2010-2015.
- Đạt danh hiệu Top 200 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015,2016
- Nhà Nước tặng thưởng Huân chương lao động hạn nhất.
- Công ty được bình chọn trong top 20 Doanh nghiệp tiêu biểu của Thành phố nhân kỷ niệm 20 năm thành phố trực thuộc Trung ương.
- Giải thưởng Thương hiệu Việt bền vững và là doanh nghiệp đạt Thương hiệu Quốc gia năm 2016.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng vì có thành tích xuất sắc trong việc chăm lo đời sống người lao động giai đoạn 2014-2016.
- Được xếp hạng Doanh nghiệp vì người lao động năm 2015-2016 do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Lao động & TBXH và Phòng TM&CN Việt Nam bình chọn.
- Được đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Bộ lao động –TBXH lĩnh vực an toàn – vệ sinh lao động năm 2016.
- Bằng khen: “Doanh nghiệp Đà Nẵng tiêu biểu” do chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng tặng nhân dịp Kỷ niệm 20 năm thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung Ương.
- Bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2017 do chủ tịch UBND thành phố tặng.
- Giải thưởng Công hiến, doanh nghiệp tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, đạt thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh 2016-2017 do Hội doanh nhân tư nhân Việt Nam tặng.
- Chứng nhận: “Top 100 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam” do Hội Sở Hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng năm 2017.
- Được xếp hạng Doanh nghiệp vì người lao động năm 2016-2017 do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ LĐ-TBXH và Phòng TM&CN Việt Nam bình chọn.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước chào mừng Kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi

thi đua ái quốc (11/6/1948-11/6/2018)

- Bằng khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2018 của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng.
- Sản phẩm của công ty tiếp tục được người tiêu dùng tin tưởng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018
- Danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín của Bộ Công Thương
- Chứng nhận “Top 50 doanh nghiệp tiết kiệm điện năm 2018”

**4. Quá trình tăng vốn của Công ty**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần là 15 tỷ đồng. Đến nay, Công ty đã có 03 lần tăng vốn, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

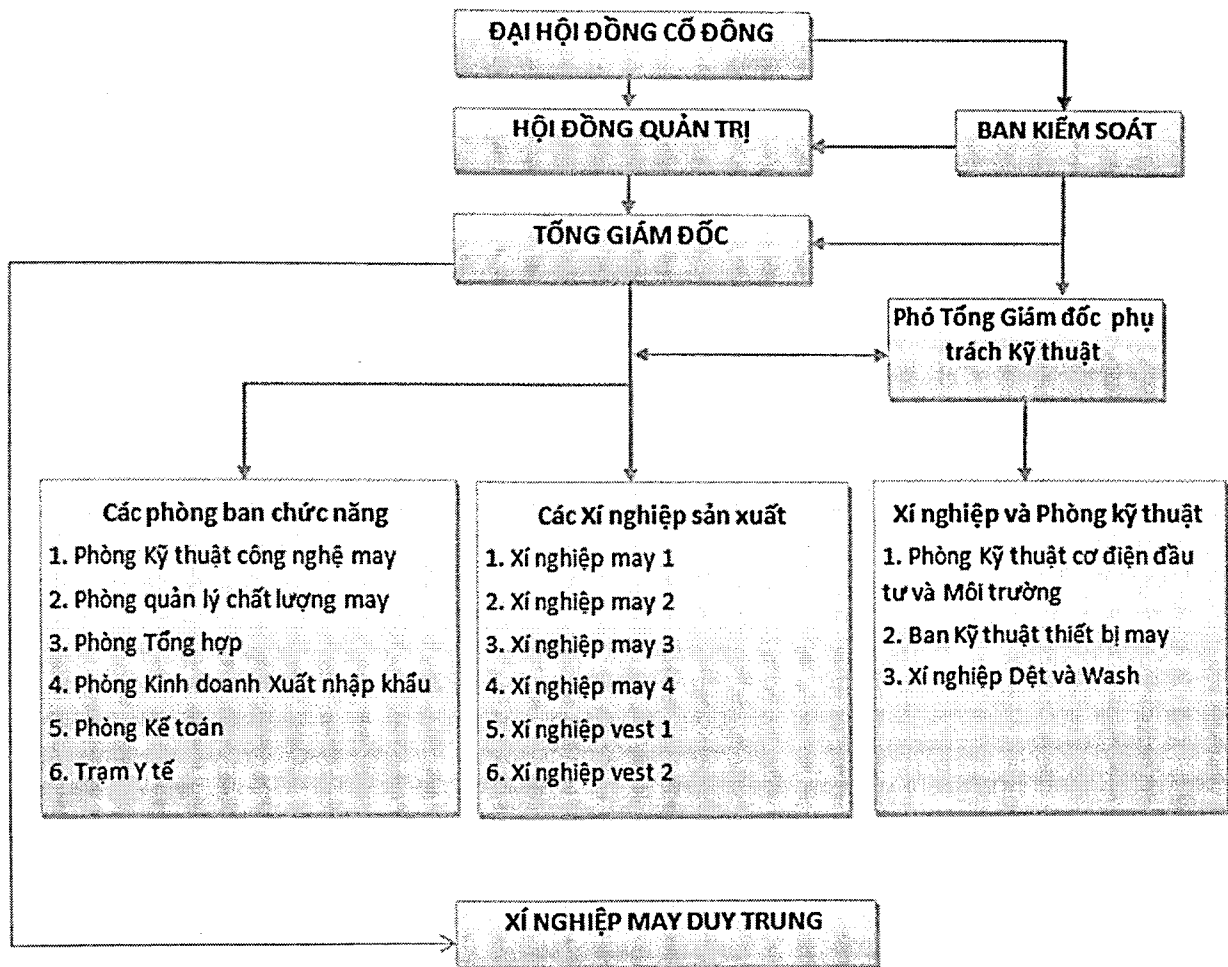
Thời gian hoàn thành	VĐL trước phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức và đối tượng phát hành	Căn cứ pháp lý
Tăng vốn lần 1 (07/2007)	15.000	20.000	35.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt và CBCNV trình độ chuyên môn cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của Hội đồng quản trị số 06-2007/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2007</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001358 thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/07/2007</li> <li>- Quyết định số 756/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2013 về việc xử phạt hành chính do báo cáo UBCKNN không kịp thời về việc mua lại cổ phiếu (Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ nộp phạt ngày 29/11/2013)</li> </ul>
Tăng vốn lần 2 (08/2011)	35.000	7.000	42.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chủ chốt của Công ty và cổ đông chiến lược	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2011 số 02/NQ- ĐHĐCĐ ngày 29/3/2011</li> <li>- Quyết định của Hội đồng quản trị số 10/QĐ-HĐQT ngày 24/6/2011</li> <li>- Công văn số 1961/UBCK-PLPH ngày 30/6/2011 của</li> </ul>

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

					<p>UBCKNN về việc chấp thuận cho phát hành cổ phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chủ chốt của công ty và cổ đông chiến lược ngày 1/8/2011</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400100457 thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp 14/12/2011</li> </ul>
Tăng vốn lần 3 (09/2018)	42.000	9.992,74	51.992,74	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 36/GCN-UBCK ngày 11/7/2018</li> <li>- Nghị quyết của HĐQT về việc kết thúc đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2018 của Hachiba ngày 13/09/2018</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu ngày 22/9/2018</li> <li>- Công văn số 6616/UBCK-QLCB ngày 27/9/2018 của UBCKNN về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400100457 thay đổi lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp 20/11/2018</li> </ul>

Nguồn: CTCP Dệt may 29/3

**5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty**



Nguồn: Hachiba

### ✓ Đại hội đồng Cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty với các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Đưa ra các quyết định về loại cổ phần và số lượng của từng loại cổ phần chào bán;
- Đưa ra các quyết định về cổ tức hàng năm của mỗi loại cổ phần trên cơ sở báo cáo và đề nghị của HĐQT;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Phê duyệt việc Công ty nộp đơn để thanh lý, giải thể hoặc tái tổ chức theo Luật phá sản, chỉ định người thanh lý hoặc các hành động tương tự;
- Thực hiện các quyền nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

### ✓ Hội đồng quản trị

HĐQT được bầu bởi ĐHĐCĐ của Công ty, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Công ty hiện gồm 5 thành viên. HĐQT có các quyền hạn



và trách nhiệm cơ bản sau:

- Lên kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh và quyết toán ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động dựa trên mục tiêu chiến lược đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Báo cáo cho ĐHĐCĐ các vấn đề về tình hình kết quả hoạt động kinh doanh, cổ tức dự kiến, báo cáo tài chính, chiến lược kinh doanh và điều kiện kinh doanh chung của Công ty;
- Xây dựng cơ cấu tổ chức của Công ty và các quy chế hoạt động;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Pháp Luật, Điều lệ Công ty, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

✓ **Ban Kiểm soát**

BKS được bầu bởi ĐHĐCĐ của Công ty và hiện có 3 thành viên. BKS có những trách nhiệm chính sau:

- Giám sát HĐQT và Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, đệ trình báo cáo thẩm định các vấn đề này lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
- Đệ trình lên HĐQT hay ĐHĐCĐ những biện pháp sửa đổi, cải thiện và bổ sung cơ cấu tổ chức của Công ty hay việc quản lý và điều hành những hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của BKS được quy định bởi Pháp luật, Điều lệ Công ty, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

✓ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn, và 1 Phó Tổng Giám đốc phụ trách riêng về kĩ thuật của Công ty. Trách nhiệm chính của Ban Tổng Giám đốc là:

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đặc biệt là những nghị quyết liên quan đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty; Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của HĐQT.
- Quản lý và giám sát hoạt động hàng ngày của Công ty.
- Thay mặt Công ty thực hiện các hợp đồng và các nghĩa vụ khác

✓ **Các Bộ phận chức năng, Xí Nghiệp sản xuất, Chi nhánh (Xí nghiệp may Duy Trung)**

Hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành là các Phòng chức năng chuyên trách hoạt động theo sự phân công của Ban Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về những quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Các xí nghiệp sản xuất thực hiện việc sản xuất các sản phẩm chính của Công ty được chia thành 2 khối: Khối xí nghiệp may và vest trực thuộc quản lý của Tổng Giám đốc, Khối xí nghiệp Dệt&Wash và 2 Phòng Kỹ thuật trực thuộc quản lý của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật.

**6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/11/2019:**

**6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/11/2019**

STT	Tên cổ đông	Số CMT/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp %
1	Huỳnh Văn Chính	201410722	Lô 29 đường Trần Hưng Đạo. thành phố Đà Nẵng.	504.629	9,71
2	Phạm thị Xuân Nguyệt	200050305	225 Nguyễn Tất Thành. Q Hải Châu. thành phố Đà Nẵng.	552.500	10,63
3	Nguyễn Xuân Tùng	201510820	225 Nguyễn Tất Thành. Q Hải Châu. thành phố Đà Nẵng.	378.750	7,28
4	Lâm Trọng Lương	022705104	15/4 Ngô Quyền. P.10. Q.5. thành phố Hồ Chí Minh.	499.231	9,60
5	Nguyễn Đình Trường	022749817	21 Long Hưng. P7. Q Tân Bình. thành phố Hồ Chí Minh.	308.000	5,92
6	Nguyễn Xuân Anh	200740776	225 Nguyễn Tất Thành. Q Hải Châu. thành phố Đà Nẵng.	324.625	6,24
<b>Tổng cộng</b>				<b>2.567.735</b>	<b>49,39</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 15/11/2019 của Hachiba*

**6.2. Cổ đông sáng lập**

Ngày 27/03/2007, Công ty được Sở Kế hoạch và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần. Theo quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp năm 2014, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu. Do đó, đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

**6.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/11/2019**

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ %/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>389</b>	<b>5.199.274</b>	<b>100</b>
1	Cổ đông tổ chức	1	18.820	0,36
2	Cổ đông cá nhân	388	5.180.454	99,64
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>389</b>	<b>5.199.274</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 15/11/2019 của Hachiba*

**7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty**

- Công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Hachiba: Không có
- Công ty con và công ty mà Hachiba đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

**8. Hoạt động kinh doanh**

Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm khăn bông và may mặc. Hoạt động kinh doanh chính mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty chủ yếu từ các sản phẩm của trong ngành dệt và may mặc như áo sơ mi, áo jacket, áo quần thể thao, quần áo dùng trong y tế, veston cao cấp và khăn bông các loại.

Thị trường xuất khẩu chính gồm: Mỹ, E.U, Nhật Bản... Với đội ngũ lao động hiện nay trên 4.000 người và 8 xí nghiệp: trong đó có 4 xí nghiệp may, 2 xí nghiệp veston, 1 xí nghiệp dệt khăn bông tại trụ sở chính và 1 xí nghiệp may tại Duy Trung Quảng Nam. Năng lực sản xuất hàng năm gồm:

- May mặc: trên 6 triệu sản phẩm may mặc bao gồm các sản phẩm: veston, quần âu, jacket, áo quần thể thao ...
- Khăn bông: gần 300 tấn sản phẩm khăn bông các loại với các kiểu trang trí dobby, jacquard, in hoa, .....Hiện, sản phẩm khăn bông của công ty được cung cấp cho hơn 1.000 khách sạn và các khu resort cao cấp tại Đà Nẵng và các tỉnh, thành lân cận.

**Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty như sau:**

- a) Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

*Đơn vị tính: triệu đồng*



Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Quý III/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Doanh thu bán hàng hóa	2.299	0,25%	7.708	0,75	327	0,04%
Doanh thu bán thành phẩm	914.516	99,59%	1.023.097	98,97	772.769	99,83%
Doanh thu khác	1.704	0,19%	2.928	0,28	1.065	0,14%
Hàng bán bị trả lại	(218)	(0,02%)	(30)	(0,003)	(51)	(0,007%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>918.301</b>	<b>100%</b>	<b>1.033.703</b>	<b>100%</b>	<b>774.110</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC quý III/2019 do Công ty tự lập*

Qua các năm, doanh thu bán thành phẩm luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong năm 2018, doanh thu bán thành phẩm đạt hơn 1000 tỷ đồng, chiếm 98,97% tổng doanh thu của Công ty. Doanh thu còn lại của Công ty đến từ việc bán hàng hóa và các sản phẩm khác. Nhìn chung, do thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty tương đối ổn định, các sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn chất lượng của đối tác nên được tin tưởng nhiều năm, nhờ đó, doanh thu của Công ty được duy trì tăng trưởng ổn định qua các năm.

b) Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Lợi nhuận gộp	Năm 2017		Năm 2018		Quý III/2019	
		Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
1	Lợi nhuận gộp từ Khăn bông các loại	879	0,87%	(3.732)	(3,44%)	(2.590)	(3,29%)
2	Lợi nhuận gộp từ Sản phẩm may mặc công nghiệp	56.951	56,07%	68.526	63,19%	53.677	68,27%
3	Lợi nhuận gộp từ Sản phẩm veston	43.228	42,56%	44.003	40,58%	26.442	33,63%

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

	cao cấp						
4	Lợi nhuận gộp từ Sản phẩm khác (wash, SP nguyên phụ liệu, SP khác)	512	0,50%	(362)	(0,33%)	1.099	1,39%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>101.570</b>	<b>100,0%</b>	<b>108.435</b>	<b>100,00%</b>	<b>78.628</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: Hachiba*

Công ty nằm trong khu vực trung tâm thành phố, dân cư đông nên vấn đề bảo đảm môi trường là quan trọng trong khi đó ngành dệt khăn bông lại liên quan đến môi trường nhiều nhưng hiệu quả lại không có nên HĐQT của công ty đã có kế hoạch thu hẹp dần dần lĩnh vực dệt, chi tập trung vào sản xuất những mặt hàng có hiệu quả cao, lộ trình bắt đầu từ năm 2018 đến năm 2023.

**9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm	Quý III/2019
1	Tổng giá trị tài sản	742.283.939.746	836.956.541.414	12,8%	816.335.566.106
2	Vốn chủ sở hữu	106.937.218.495	132.321.781.622	23,7%	135.765.671.099
3	Doanh thu thuần	918.301.440.859	1.033.703.577.402	12,6%	774.109.800.942
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.562.302.513	31.746.297.978	3,9%	28.560.094.386
5	Lợi nhuận khác	1.101.699.705	515.422.206	(53,2%)	(224.769.845)
6	Lợi nhuận trước thuế	31.664.002.218	32.261.720.184	1,9%	28.335.324.541
7	Lợi nhuận sau thuế	26.876.176.226	25.931.651.782	(3,5%)	22.668.259.633
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	25.331	25.345	(0,05%)	25.905

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC quý III/2019*

**10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

**10.1. Vị thế của công ty trong ngành:**

Trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nói riêng và thị trường trong nước nói chung, Công ty là một trong những doanh nghiệp có bề dày lịch sử hình thành và phát triển cùng đất nước từ những năm 90, tên của công ty được gắn liền với ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng. Từ năm thành lập đến nay, công ty không ngừng phát triển cả về mặt số lượng và chất lượng, vì vậy tên tuổi và



uy tín của Công ty được nhiều khách hàng biết đến, tìm đến Công ty để hợp tác.

Bên cạnh vị trí đắc địa nằm trong trung tâm thành phố mang lại nhiều thuận lợi trong việc tuyển dụng lao động, với bề dày lịch sử của mình, Công ty đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm, hỗ trợ của các Ban ngành liên quan. Việc này càng góp phần khẳng định tên tuổi của Công ty đối với các đối tác, bạn hàng trong và ngoài nước.

Các đối tác mua sản phẩm của Công ty là những khách hàng có tiềm năng tài chính lớn và có tên tuổi trên thị trường may mặc, thời trang, ngoài việc Công ty giữ được sự ổn định về đơn hàng sản xuất, nhờ hợp tác với những tên tuổi lớn này, Công ty được nâng cao hình ảnh trong mắt các đối tác tiềm năng trên thị trường trong nước, quốc tế, khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

### **10.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Theo các chuyên gia dự đoán, ngành Dệt may Việt Nam, đặc biệt là những doanh nghiệp có mặt hàng xuất khẩu sang thị trường quốc tế sẽ bị cạnh tranh dữ dội bởi chi phí về bảo hiểm, đất đai, thuế... của các quốc gia mạnh về dệt may như Myanmar, Campuchia, Bangladesh... do chi phí tại các quốc gia này vẫn thấp hơn so với Việt Nam. Mặt khác, thị trường lao động trong nước có sự biến động lớn, lao động dịch chuyển dần sang các ngành dịch vụ vì thế vấn đề tuyển dụng lao động trong ngành may rất khó khăn. Trong khi đó, tại Việt Nam, năm 2018 phí bảo hiểm xã hội được tính trên tổng thu nhập sẽ khiến chi phí của doanh nghiệp tăng đột biến.

Ngoài ra, mức độ cạnh tranh được dự báo sẽ gay gắt hơn trong bối cảnh tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực dệt may và công nghệ thông tin tạo ra những thay đổi nhanh chóng về phương thức sản xuất và cung ứng sản phẩm đến người tiêu dùng. Theo cảnh báo của nhiều chuyên gia, trong tương lai, 86% lao động chân tay của ngành dệt may sẽ bị thay thế bằng robot; những đơn hàng sản xuất hàng loạt theo kiểu số đo truyền thống sẽ không còn; chi phí giao dịch, bán hàng sẽ giảm từ 30-80% so với hiện nay, nhiều nhà máy thông minh, nhà máy số sẽ ra đời.

Nhìn chung, giai đoạn năm 2018 – 2022 được dự báo sẽ là năm khởi sắc và có nhiều triển vọng của ngành dệt may Việt Nam. Tuy nhiên song hành với thuận lợi sẽ có những khó khăn nhất định. Bên cạnh sự hỗ trợ của Chính phủ và các Bộ, ngành trong việc tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để ngành dệt may phát triển. Bên cạnh đó, nhu cầu đổi mới công nghệ dệt, may, hiện đại hóa trong sản xuất cũng là một yêu cầu thiết yếu đối với các doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam.

## **11. Chính sách đối với người lao động**

### **❖ Số lượng lao động của Công ty (tại thời điểm 31/12/2018)**

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 là 4.291 người, cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng sau:

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<b>I. Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>4.291</b>	<b>100%</b>
- Đại học	146	3,40%

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

- Cao đẳng, Trung cấp	173	4,03%
- Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	3.972	92,57%
<b>II. Phân theo đối tượng lao động</b>	<b>4.291</b>	<b>100%</b>
- Lao động trực tiếp	3.956	92,19%
- Lao động gián tiếp	335	7,81%
<b>III. Phân theo dạng HĐLĐ</b>	<b>4.291</b>	<b>100%</b>
- Hợp đồng không xác định thời hạn	4.291	100%
- Hợp đồng xác định thời hạn	-	-

*Nguồn: Công ty cổ phần Dệt may 29/3*

**❖ Chính sách đối với người lao động:**

+ Về chính sách an toàn lao động: Khi làm việc tại công ty, người lao động được thực hiện chương trình huấn luyện, hướng dẫn về an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ... Công ty duy trì nhân viên y tế đảm bảo sức khỏe, kỹ năng nghề nghiệp và có đội ngũ ít nhất 2% trong tổng số lao động của công ty được huấn luyện kỹ năng sơ cứu, cấp cứu để kịp thời phục vụ cho bệnh nhân. Trạm y tế được trang bị dụng cụ, giường nằm, hệ thống điều hòa nhiệt độ phục vụ sơ cứu, chăm sóc sức khỏe ba đầu cho người lao động. Ngoài ra, công ty còn trang bị tủ thuốc y tế với những loại thuốc cần thiết nhất ở những nơi sản xuất và hướng dẫn rõ ràng cách sử dụng.

Người lao động được khám sức khỏe định kỳ một năm hai lần, đối với nhân viên chế biến phục vụ ăn ca được hướng dẫn về vệ sinh an toàn thực phẩm và được khám sức khỏe định kỳ 6tháng/1lần. Công ty duy trì việc đánh giá tác động môi trường hằng năm để kịp thời có biện pháp khắc phục các yếu tố có nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động.

+ Về thời gian làm việc: Ngoài thời gian làm việc bình thường mỗi ngày, số giờ làm thêm không được vượt quá 4 giờ trong một ngày làm việc. Vào dịp lễ, tết ngoài số ngày nghỉ theo quy định, tùy theo kế hoạch sản xuất công ty sẽ bố trí cho người lao động được nghỉ phép thêm một số ngày. Người lao động có thể thỏa thuận với công ty để nghỉ việc riêng không hưởng lương.

+ Về chế độ bảo hiểm: Công ty đảm bảo cho 100% người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm nghề nghiệp. Công ty luôn luôn đóng bảo hiểm xã hội đúng hạn đảm bảo để người lao động được hưởng các chế độ nghỉ ốm đau, thai sản... Tổng số tiền bảo hiểm công ty đóng trong năm 2018 là 62,3 tỷ đồng và đến ngày 30/06/2019 là 33,6 tỷ đồng.

+ Về chính sách tiền lương, tiền thưởng: Công ty trả lương cho người lao động chậm nhất là ngày 15 của tháng sau. Mỗi năm người lao động đều nhận được tháng lương thứ 13 bằng bình quân lương của số tháng làm việc trong năm .

+ Về chế độ phúc lợi: Ngoài tiền lương người lao động còn được công ty tặng quà vào các

## THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3

ngày lễ, tết, ngày truyền thống công ty, ngày sinh nhật. Bên cạnh đó, căn cứ vào thời gian đóng góp của người lao động mà công ty tặng quà khi kết hôn, đám tang bản thân hoặc người thân. Khi nghỉ hưu mà có thời gian thực tế làm việc tại công ty trên 15 năm thì công ty sẽ trợ cấp mỗi năm ½ tháng lương cấp bậc bình quân ngoài chế độ do Nhà nước quy định từ năm thứ 16 trở đi.

+ Mức lương bình quân qua các năm của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

Năm	2016	2017	2018	2019
Mức lương bình quân	6.503.000	6.995.000	7.240.000	7.500.000
Thu nhập bình quân	7.400.000	7.960.000	8.240.000	8.500.000

*Nguồn: Công ty cổ phần Dệt may 29/3*

### 12. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty thực hiện chia cổ tức đều cho cổ đông và tỷ lệ cổ tức tăng từ 10% năm 2007 lên 27% đến 30% và mức cổ tức này được duy trì đến hiện nay.

Tình hình chia cổ tức của Công ty trong 2 năm gần nhất như sau:

TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Kế hoạch Năm 2019
1	Tỷ lệ chia cổ tức	30%	27%	30%
2	Hình thức nhận cổ tức	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt
3	Thời gian nhận cổ tức	Đợt 1: 10%/cổ phiếu trong tháng 10/2017 Đợt 2: 20%/cổ phiếu trong tháng 03/2018 Đã chi trả	Đợt 1: 10%/cổ phiếu trong tháng 1/2019 Đợt 2: 17%/cổ phiếu trong tháng 03/2019 Đã chi trả	Đợt 1: 10%/cổ phiếu trong tháng 1/2020 Đợt 2: 20%/cổ phiếu trong tháng 03/2020

*Nguồn: Công ty cổ phần Dệt may 29/3*

### 13. Tình hình tài chính

#### 13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

##### a) Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính đối với tài sản cố định. Thời gian khấu hao phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-

BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao&lt;năm&gt;</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 50
- Máy móc và thiết bị	5 – 15
- Phương tiện vận tải	6 – 10
- Thiết bị văn phòng	5 – 10
- Tài sản cố định khác	10

**b) Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn. Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 và thực tế hoạt động của Công ty đến thời điểm hiện tại, Công ty không tồn tại các khoản nợ quá hạn nào.

**c) Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Số dư thuế và các khoản phải nộp của Công ty qua các năm như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Thuế Giá trị gia tăng	(16.554.751)	757.689.876	-
Thuế nhập khẩu	(9.370.614)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.974.706.234)	990.058.444	725.963.746
Thuế thu nhập cá nhân	85.248.795	74.138.693	94.388.622
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	(16.074.554)	(16.074.503)	(16.518.941)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.980.529.106
<b>Tổng cộng</b>	<b>(2.931.47.307)</b>	<b>1.805.812.510</b>	<b>2.784.362.533</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý III/2019 do công ty tự lập

**d) Tổng dư nợ vay**

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	416.857.120.616	443.961.777.670	424.895.101.389
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (vay ngân hàng)	94.869.074.299	101.500.544.404	109.113.258.582
<b>Tổng</b>	<b>511.726.194.915</b>	<b>545.462.322.074</b>	<b>534.008.359.971</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC quý III/2019 do công ty tự lập

e) *Tình hình công nợ hiện nay*

❖ Công nợ phải thu

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
<b>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>160.079.902.133</b>	<b>194.576.664.933</b>	<b>206.604.477.193</b>
1. Phải thu khách hàng	134.966.038.630	174.320.184.459	184.894.721.124
2. Trả trước cho người bán	18.409.332.388	6.874.837.099	8.735.443.1016
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	10.000.000.000	7.000.000.000
4. Các khoản phải thu khác	6.741.563.465	3.434.369.875	6.024.449.081
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(37.032.350)	(52.726.500)	(52.726.500)
<b>II. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>160.079.902.133</b>	<b>194.576.664.933</b>	<b>206.604.477.193</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Hachiba, BCTC Quý III/2019 do công ty tự lập

❖ Công nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>517.742.646.952</b>	<b>579.889.215.388</b>	<b>548.211.636.425</b>
Phải trả cho người bán	41.956.477.011	64.114.082.345	77.965.040.483
Người mua trả tiền trước	49.943.836	115.489.855	177.912.641
Thuế và các khoản phải nộp NN	85.248.795	1.821.887.013	2.800.881.474
Phải trả người lao động	41.413.941.514	50.913.512.399	24.207.314.955
Chi phí phải trả	1.813.488.740	2.258.667.911	(248.854.819)
Các khoản phải trả khác	8.321.372.926	14.395.234.436	13.836.620.745
Vay và nợ thuê tài chính	416.857.120.616	443.961.777.670	424.895.101.389
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	7.245.053.514	2.308.563.759	4.575.029.175
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>117.604.074.299</b>	<b>124.745.544.404</b>	<b>132.358.258.582</b>
Phải trả dài hạn khác	22.735.000000	23.245.000.000	23.245.000.000



**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

Vay và nợ thuê tài chính	94.869.074.299	101.500.544.404	109.113.258.582
<b>Tổng cộng</b>	<b>635.346.721.251</b>	<b>704.634.759.792</b>	<b>680.569.895.007</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý III/2019 tự lập của Hachiba*

**f) Trích lập các quỹ theo quy định**

Điều lệ Công ty không quy định việc trích lập các Quỹ. Việc trích lập các quỹ sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.

Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2017, 31/12/2018 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Quỹ đầu tư phát triển	25.372.819.649	32.629.387.230	39.630.933.211
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.245.053.514	2.308.563.759	4.575.029.175
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.868.077.648</b>	<b>63.389.797.909</b>	<b>44.205.962.386</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Hachiba, BCTC Quý III/2019 do công ty tự lập*

**g) Đầu tư tài chính**

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>34.395.226.055</b>	<b>41.520.818.055</b>	<b>46.545.519.978</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	34.395.226.055	41.520.818.055	46.545.519.978
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>34.895.226.055</b>	<b>43.020.818.055</b>	<b>48.045.519.978</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Hachiba, BCTC Quý III/2019 do công ty tự lập*

**h) Hàng tồn kho**

TT	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Hàng đang đi trên đường	1.678.087.979	3.047.535.815	2.817.548.314
2	Nguyên liệu, vật liệu	108.872.837.515	111.155.310.599	137.247.553.371
3	Công cụ, dụng cụ	3.955.864.818	2.759.014.979	3.613.872.586
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.434.159.151	29.375.738.157	25.691.686.262

TT	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
5	Thành phẩm	89.876.895.315	111.616.010.398	80.308.063.069
6	Hàng hóa	114.522.351	104.845.475	100.861.776
7	Hàng gửi bán	258.587.425	220.701.989	206.733.559
8	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.609.684.391)	(3.179.877.043)	(3.179.877.043)
<b>Tổng</b>		<b>229.581.270.163</b>	<b>255.099.280.369</b>	<b>247.014.528.694</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Hachiba, BCTC Quý III/2019 do công ty tự lập

Lưu ý: Hàng hóa tồn kho của công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2018 được đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Hàng hóa là nguyên liệu và thành phẩm may mặc, dệt luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mọi thời điểm tương đương với số dư nghĩa vụ tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu-Chi nhánh Đà Nẵng không thấp hơn 50.000.000.000 đồng được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng.

- Hàng hóa là các nguyên liệu và thành phẩm may mặc, dệt luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mọi thời điểm tương đương với số dư nghĩa vụ tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam-Chi nhánh Đà Nẵng không thấp hơn 40.000.000.000 đồng đã được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

- Ngoài ra, hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp số 146/2018/VCB-ĐN ngày 10 tháng 12 năm 2018 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

### 13.2. Các chỉ số tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,94	0,95
Hệ số thanh toán nhanh	0,49	0,51
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)</b>		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,86	0,84
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	5,94	5,33
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)</b>		

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Vòng quay hàng tồn kho	3,37	3,82
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	1,16	1,31
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)</b>		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,93	2,51
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	22,47	21,68
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	3,40	3,28
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,33	3,10

*Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2018 của Hachiba*

**14. Tài sản của Công ty:**

**Tài sản cố định tại ngày 31/12/2018:**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>474.454.470.703</b>	<b>265.065.619.179</b>	<b>55,9%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	120.996.524.107	89.320.238.825	73,8%
2	Máy móc, thiết bị	315.673.739.212	157.131.920.535	49,8%
3	Phương tiện vận tải	29.556.325.443	14.586.640.525	49,4%
4	Thiết bị văn phòng	7.902.081.941	3.788.330.053	47,9%
5	TSCĐ khác	325.800.000	238.489.241	73,2%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>6.740.336.564</b>	<b>3.702.358.911</b>	<b>54,9%</b>
1	Quyền sử dụng đất	1.656.255.600	1.656.255.600	100,0%
2	Phần mềm Winprot và Office Std	1.127.050.006	805.948.704	71,5%
3	Phần mềm kế toán	996.784.800	193.367.570	19,4%
4	Phần mềm hải quan điện tử	46.800.000	-	-



THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
5	Tài sản khác	2.913.446.158	1.046.787.037	35,9%
	<b>Cộng</b>	<b>481.194.807.267</b>	<b>268.767.978.090</b>	<b>55,9%</b>

Nguồn: BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Hachiba

Tài sản cố định tại ngày 30/09/2019:

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>471.260.126.392</b>	<b>242.558.602.140</b>	<b>51,47</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	120.996.524.107	85.748.573.116	70,87
2	Máy móc, thiết bị	311.448.520.097	139.634.199.241	44,83
3	Phương tiện vận tải	29.921.650.943	13.107.720.820	43,81
4	Thiết bị văn phòng	8.567.631.245	3.857.347.066	45,02
5	TSCĐ khác	325.800.000	210.761.897	64,69
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>6.794.176.564</b>	<b>3.124.544.504</b>	<b>45,99</b>
1	Quyền sử dụng đất	1.656.255.600	1.656.255.600	100
2	Phần mềm Winprot và Office Std	1.127.050.006	650.181.951	57,69
3	Phần mềm kế toán	996.784.800	95.790.918	9,61
4	Phần mềm hải quan điện tử	46.800.000	-	-
5	Tài sản khác	2.967.286.158	1.046.787.037	35,28
	<b>Cộng</b>	<b>478.054.302.956</b>	<b>245.683.146.644</b>	<b>51,39</b>

Nguồn: BCTC Quý III/2019 do công ty tự lập

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

TT	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
----	-----------	------------	------------	------------

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

TT	Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	528.691.879	10.003.950.864	18.604.363.058
-	Chi phí đầu tư, xây dựng lò hơi	218.791.879	7.778.361.560	8.292.544.876
-	Nhà xưởng, tài sản trên đất của Nhà máy Duy Trung – Giai đoạn 2	-	2.050.000.000	10.311.818.182
-	Xây dựng trạm cân	-	175.589.304	-
2	Chi phí sửa chữa	309.900.000	-	1.199.205.414
	<b>Tổng cộng</b>	<b>528.691.879</b>	<b>10.003.950.864</b>	<b>19.803.568.472</b>

Nguồn: BCTC năm 2018 đã kiểm toán của Hachiba, BCTC Quý III/2019 do công ty tự lập

**Tình hình quản lý và sử dụng đất đai của Công ty đang quản lý:**

TT	Địa chỉ đất	Diện tích	Mục đích sử dụng	Hình thức, Thời hạn sử dụng
1	60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	58.611,8m <sup>2</sup>	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp dùng làm trụ sở văn phòng và xí nghiệp sản xuất của Công ty	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hằng năm, thời gian thuê đến ngày 14/10/2058
2	478A6 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	105,4m <sup>2</sup>	Đất ở tại đô thị dùng làm phòng trưng bày sản phẩm	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, đất ở lâu dài
3	Cụm Công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	12.113,7m <sup>2</sup>	Đất Cụm công nghiệp dùng sản xuất hàng may mặc.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm, thời hạn thuê đến ngày 14/12/2055.
4	Cụm Công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	9.407m <sup>2</sup>	Đất Cụm công nghiệp dùng sản xuất hàng may mặc.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm, thời hạn thuê đến 01/2057
5	Cụm Công nghiệp Tây An, xã Duy Trung,	14.505m <sup>2</sup>	Đất Cụm công nghiệp dùng sản xuất hàng	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hằng năm, thời



**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

TT	Địa chỉ đất	Diện tích	Mục đích sử dụng	Hình thức, Thời hạn sử dụng
	huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam		may mặc.	hạn thuê đến 19/01/2057

*Nguồn: Hachiba*

**15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020 (*)	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với thực hiện năm 2018	Kế hoạch	% tăng giảm so với kế hoạch năm 2019
Vốn điều lệ	51.992.740.000	-	-	-
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.050	1,55%	-	-
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	26,8	3,47%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	51,55%	1,74%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	2,55%	0,05%	-	-
Cổ tức (%)	30%	3%	-	-

*Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019 của Hachiba*

(\*) Hiện tại Công ty chưa xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2020

**Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:**

- ❖ Công ty lấy tiêu chí đúng chất lượng và đúng thời gian giao hàng nên được sự tin nhiệm của khách hàng. Vì thế, các khách hàng truyền thống của công ty đã giao kế hoạch sản xuất của năm sau tăng từ 10% đến 15% so với năm trước. Tuy nhiên đứng trước sự cạnh tranh gay gắt cả thị trường trong nước và nước ngoài như cạnh tranh về giá cả, các đơn hàng ngày càng đòi hỏi kỹ thuật cao, có cấu trúc phức tạp, các chi phí đầu vào thì tăng trong khi khách hàng thì đề nghị giảm giá cho nên ảnh hưởng rất lớn đến việc lấy đơn hàng và hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt là yếu tố lao động ảnh hưởng rất lớn đến ngành may mặc, lao động có tay nghề thì nghỉ việc bỏ việc trong khi lao động tuyển dụng thiếu và có tay nghề yếu nên phải vừa sản xuất vừa đào tạo, thêm vào đó thì chi phí tiền lương tối thiểu tăng kéo theo chi phí lương, BHXH cũng tăng theo. Chính vì vậy, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và lợi nhuận trên cơ sở các đơn hàng đã đàm phán, ký kết với khách hàng và dự đoán nhu cầu thị trường đồng thời công ty cũng phải đề ra và thực hiện một số giải pháp cơ bản để ổn định sản xuất và đảm bảo mức tăng trưởng của công ty, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản phẩm của công ty năm 2018-2020 trong việc lựa chọn nhóm sản phẩm công nghệ cao (veston, high-tech sportwear..) lựa chọn khách hàng chiến lược để đầu tư sản xuất, nâng cao giá trị thương mại và hiệu quả kinh doanh.
- Đầu tư xây dựng xí nghiệp may Duy Trung 1 với quy mô là 12 chuyền may trong năm 2018 và chuẩn bị nguồn lực để đầu tư xí nghiệp may Duy Trung 2 với quy mô trên 30 chuyền may trong năm 2019-2020.
- Thu hẹp sản xuất lĩnh vực dệt và đầu tư phát triển sản xuất may mặc tại tỉnh Quảng Nam theo chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.
- ❖ Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo Ban điều hành bám sát các chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đồng cổ đông giao để phấn đấu thực hiện qua 1 số giải pháp chính như sau:
  - Tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn khách hàng chiến lược để đầu tư sản xuất, nâng cao giá trị thương mại và hiệu quả kinh doanh.
  - Nâng cao uy tín thương hiệu qua chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng và môi trường điều kiện sản xuất, duy trì tốt hệ thống quản lý hiện có và phát triển dòng sản phẩm có thương hiệu lớn, đặc biệt đối với sản phẩm Veston để ổn định sản xuất và chuyên môn hóa sâu hơn cho các xí nghiệp.
  - Trên cơ sở phân tích thị trường, nguồn lực về lao động, tiến bộ kỹ thuật và hiệu quả đầu tư... Tổng giám đốc tiếp tục mở rộng Xí nghiệp may Veston 2 và Xí nghiệp may Duy Trung khi điều kiện cho phép.
  - Tổ chức hoạt động liên doanh, liên kết sản xuất với các cơ sở dệt may trong nước để sử dụng hiệu quả nguồn lực về nguyên phụ liệu, lao động nhằm đón bắt cơ hội mở rộng sản xuất xuất khẩu theo các tiêu chuẩn của Hiệp định CP-TPP và các Hiệp định FTA khác.
  - Về tài chính cần tiếp tục khai thác các nguồn vốn có lãi suất thấp để đầu tư phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong kinh doanh.
  - Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.
  - Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực hiện hiệu quả trong toàn công ty.
  - Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất, áp dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.
  - Xây dựng kế hoạch tài chính đáp ứng linh hoạt yêu cầu vốn cho sản xuất. Quản lý sử dụng ngoại tệ hiệu quả theo chính sách điều hành tỷ giá của Nhà nước và tỷ giá tại các thị trường xuất khẩu
  - Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.
  - Xây dựng tiêu chí cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý từ cấp công ty, cấp phòng, cấp xí nghiệp để có chính sách thu hút nhân tài, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu xây dựng công ty ngày càng hiện đại.
  - Tiếp tục hoàn thiện công tác tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi xã hội nhằm thu hút lao động có nghề và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.
  - Tổ chức sản xuất gắn với trách nhiệm xã hội đặc biệt công tác quản lý môi trường. Kiên



quyết không xảy ra tình trạng vì hiệu quả sản xuất tác động xấu đến môi trường dân cư. Rà soát lĩnh vực dệt khăn bông vừa đảm bảo duy trì mặt hàng truyền thống vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và quản lý môi trường.

- ❖ Căn cứ theo BCTC Quý III/2019, Doanh thu thuần của Hachiba đã đạt trên 774 tỷ đồng, đạt 73,71% so với kế hoạch doanh thu đặt ra trong cả năm 2019. Tuy doanh thu thuần trong 9 tháng đầu năm 2019 của Hachiba mới đạt 73,71% nhưng lợi nhuận sau thuế của công ty đã hoàn thành 85,82% so với mục tiêu đặt ra (Lợi nhuận sau thuế Quý III/2019 của Hachiba là 22.668.259.633 đồng). Dựa vào việc xuất khẩu một số mã hàng ra nước ngoài, cũng như nghiệm thu, thanh lý hợp đồng trong Quý IV/2019, việc đạt được 100% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận là khả quan.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Không có

**17. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh**

- Xây dựng kế hoạch sản phẩm của Công ty năm 2018-2020 trong việc lựa chọn nhóm sản phẩm công nghệ cao (veston, high-tech sportwear..) lựa chọn khách hàng chiến lược để đầu tư sản xuất, nâng cao giá trị thương mại và hiệu quả kinh doanh.
- Nâng cao uy tín thương hiệu qua chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng và môi trường điều kiện sản xuất, duy trì tốt hệ thống quản lý hiện có và phát triển dòng sản phẩm có thương hiệu lớn, đặc biệt đối với sản phẩm veston để ổn định sản xuất, chuyên môn hóa sâu hơn cho các xí nghiệp.
- Đầu tư xây dựng xí nghiệp may Duy Trung 1 với quy mô là 12 chuyền may trong năm 2018 và chuẩn bị nguồn lực để đầu tư xí nghiệp may Duy Trung 2 với quy mô trên 30 chuyền may trong năm 2019-2020.
- Tổ chức hoạt động liên doanh, liên kết sản xuất với các cơ sở dệt may trong nước để sử dụng hiệu quả nguồn lực về nguyên phụ liệu, lao động nhằm đón bắt cơ hội mở rộng sản xuất xuất khẩu.

**18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu**

Không có.

**II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
3	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	TV HĐQT điều hành



4	Ông Lâm Trọng Lương	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
5	Ông Nguyễn Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành

**Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị:**

**a) Ông Huỳnh Văn Chính - Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 201410722 cấp ngày 12/06/2010 tại thành phố Đà Nẵng.
- Sinh ngày : 06/05/1941
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Duy Xuyên. tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : Lô 29 đường Trần Hưng Đạo. thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại cơ quan : 0236.3759275
- Trình độ văn hóa : Tú tài toàn phần
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1976 – 1978	Tổ hợp Dệt may 29/3	Chủ nhiệm
1979 – 1981	Xí nghiệp Công ty Hợp danh 29/3	Phó giám đốc
1982 – 04/1984	Xí nghiệp Công ty Hợp danh 29/3	Giám đốc
05/1984 – 03/2007	Công ty Dệt May 29/3	Giám đốc
1995 – 2005	Hiệp hội Dệt may Việt Nam	Phó Chủ tịch
04/2007 – nay	Công ty cổ phần Dệt may 29/3	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 504.629 cổ phần, chiếm 9,71% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:

Họ tên	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	STK lưu ký CK
Huỳnh Văn Thắng	201300610	21/07/2005	Đà Nẵng	Con ruột	240.212	4,62%	069C202220
Huỳnh Thị Tường Vân	200781444	19/07/2012	Đà Nẵng	Con ruột	165.550	3,18%	069C202198

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty

Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**b) Ông Nguyễn Đình Trường - Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 022749817 cấp ngày 20/05/2000 tại thành phố Hồ Chí Minh
- Sinh ngày : 13/03/1948
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : xã Yên Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : 21 Long Hưng, P7, Q Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại cơ quan : 083 8640800
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân khoa học chuyên ngành Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1965 - 04/1970	Buru điện tại Hà Nội	Công nhân
05/1970 - 12/1988	Cục kỹ thuật Quân khu 07	Trưởng ban tổ chức động viên
01/1989 - 03/1991	Việt Tiến – Tungsing	Cán bộ phòng kinh doanh
04/1991 - 12/1994	Việt Tiến – Tungsing	Phó giám đốc cửa hàng hợp tác kinh doanh
01/1995 - 09/1995	Chi nhánh Công ty May Việt Tiến	Giám đốc
10/1995 - 02/1997	Công ty May Việt Tiến	Giám đốc điều hành
03/1997 - 01/2002	Tổng công ty may Việt Tiến	Phó Tổng giám đốc
02/2002 - 12/2007	Tổng công ty may Việt Tiến	Tổng giám đốc
01/2008 - nay	Tổng công ty may Việt Tiến	Phó chủ tịch HĐQT
03/2008 - nay	CTCP Dệt may 29/3	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty may Việt Tiến
- Số cổ phần sở hữu: 308.000 cổ phần, chiếm 5,92% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:

Họ tên	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	STK lưu ký CK
Lương Mỹ Lan	022616756	30/11/2009	TP. HCM	Con dâu	143.750	2,76%	069C202119

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**c) Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Giới tính : Nữ
- Số CMND : 200050305 cấp ngày 19/07/2013 tại thành phố Đà Nẵng.
- Sinh ngày : 01/09/1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 225 Nguyễn Tất Thành, Q Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại cơ quan : 0236.3759386
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1981	XN Công ty Hợp danh 29/3	Nhân viên phòng Kế hoạch
1986	Nhà máy Dệt 29/3	Phó phòng Kế hoạch Vật tư
1990	Công ty Dệt may 29/3	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư
08/1999	Công ty Dệt may 29/3	Phó Giám đốc
03/2007 – nay	CTCP Dệt may 29/3	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần sở hữu: 552.500 cổ phần, chiếm 10,63% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:

Họ tên	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	STK lưu ký CK
Nguyễn Xuân Anh	200740776	20/02/2001	Đà Nẵng	Chồng	324.625	6.24%	069C202442
Nguyễn Xuân Tùng	201510820	16/07/2013	Đà Nẵng	Con trai	378.750	7,28%	069C202096
Nguyễn Thị Song Hiều	261114343	01/09/2004	Bình Thuận	Con dâu	25.000	0.48%	069C203304

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**d) Ông Lâm Trọng Lương - Thành viên HĐQT**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 022705104 cấp ngày 05/12/1996 tại TP. Hồ Chí Minh
- Sinh ngày : 19/06/1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Nguyên quán : Quảng Đông (Trung Quốc).
- Địa chỉ thường trú : 15/4 Ngô Quyền. P.10. Q.5. thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên lạc : 0903 903 913
- Trình độ văn hóa : 09/12
- Trình độ chuyên môn : Kinh doanh máy may công nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979 – 1988	Tổ hợp sản xuất xà bông	Nhân viên
1989 – 1990	Văn phòng đại diện Công ty Golden Deside Hong Kong	Giám đốc
1991 – nay	Công ty Việt Tiến Tung Shing	Giám đốc
03/2008 – nay	CTCP Dệt may 29/3	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Việt Tiến Tung Shing
- Số cổ phần sở hữu: 499.231 cổ phần, chiếm 9,60% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:

Họ tên	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	STK lưu ký CK
Lâm Bích Vân	024176734	27/05/2015	TP. HCM	Con gái	100.000	1,92%	069C202388

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**e) Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Xuân Tùng**

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 201510820 cấp ngày 16/07/2013 tại thành phố Đà Nẵng.
- Sinh ngày : 08/08/1985
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 225 Nguyễn Tất Thành. Q Hải Châu. thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại : 0903525605
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2010 – 2011	Công ty CP chứng khoán Dầu khí Đà Nẵng	Nhân viên
2011 – 2014	CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	Nhân viên
2017 – nay	CTCP Dệt may 29/3	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 378.750 cổ phần, chiếm 7,28% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan:

Họ tên	Số CMT	Ngày cấp	Nơi cấp	Mối quan hệ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	STK lưu ký CK
Nguyễn Xuân Anh	200740776	20/02/2001	Đà Nẵng	Bố đẻ	324.625	6.24%	069C202442
Phạm Thị Xuân Nguyệt	200050305	19/07/2013	Đà Nẵng	Mẹ đẻ	552.500	10,63%	069C202445
Nguyễn Thị Song Hiếu	261114343	01/09/2004	Bình Thuận	Con dâu	25.000	0.48%	069C203304

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:



STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên Ban kiểm soát

**Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban kiểm soát của Công ty:**

**a) Bà Lê Thị Hải Châu - Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính : Nữ
- Số CMND : 200913659. Ngày cấp: 09/02/2006. Nơi cấp: Công an ĐN
- Sinh ngày : 01/03/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Xã Sơn Bình, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 617 Ngô Quyền, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại cơ quan : 3759002
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1989 - 09/1996	Công ty Dệt May 29/3	Nhân viên thống kê
10/1996 – 03/2007	Công ty Dệt May 29/3	Nhân viên phòng tổ chức
04/2007 – nay	CTCP Dệt May 29/3	Nhân viên phòng tổng hợp → Chủ tịch công đoàn công ty → Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 26.000 cổ phần, chiếm 0,50% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.  
Thù lao hàng năm do ĐHDGD thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**b) Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính : Nữ
- Số CMND : 201274617. Ngày cấp: 23/10/2009. Nơi cấp: Công an ĐN
- Sinh ngày : 17/01/1977

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM – CTCP DỆT MAY 29/3**

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Bình Nguyên, Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : K34/24 Bắc Đẩu – Thanh Bình, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại cơ quan : 0236. 3759991
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2000 – 09/2006	Công ty Dệt May 29/3	Nhân viên phòng tổ chức
10/2006 – nay	CTCP Dệt May 29/3	Nhân viên phòng kế toán → kế toán công đoàn công ty → Thành viên ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 4.000 cổ phần, chiếm 0,08% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**c) Bà Lê Thị Thúy Lan - Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính : Nữ
- Số CMND : 200016277. Ngày cấp: 10/03/2010. Nơi cấp: Công an ĐN
- Sinh ngày : 17/04/1956
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Long Bình Điền, Chợ gạo, Tiên Giang
- Địa chỉ thường trú : K464/02 Trưng Nữ Vương, thành phố Đà Nẵng.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1980 – 04/2012	Công ty dệt may 29/3	Nhân viên phòng kế toán
04/2012 – nay	CTCP Dệt may 29/3	Thành viên BKS

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

- Số cổ phần sở hữu: 8.422 cổ phần, chiếm 0,16% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**3. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Xuân Hòa	Phó Giám đốc
3	Ông Đặng Văn Trường	Kế toán trưởng

**Sơ yếu lý lịch của thành viên Ban Giám đốc:**

**a. Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt – Tổng Giám đốc (Xem phần Thành viên Hội đồng quản trị)**

**b. Ông Trần Xuân Hòa - Phó Giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam
- Số CMND/Hộ chiếu: 200052899 do CA Đà Nẵng cấp ngày 06/01/2008
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1963
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 135 Ông Ích Khiêm – Thanh Bình - Hải Châu – Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982-1984	Xí nghiệp Công ty Hợp danh 29/3	Nhân viên
1984-2007	Công ty Dệt May 29/3	Trưởng ca sản xuất → phó quản đốc phân xưởng Dệt → Trưởng phòng cơ điện → Phó giám đốc
2007 - nay	CTCP Dệt may 29/3	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 26.900 cổ phần, chiếm 0,52% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có



- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**c. Kế toán trưởng - Ông Đặng Văn Trường**

- Giới tính : Nam
- Số CMND : 200325229 cấp ngày 03/11/2013 tại thành phố Đà Nẵng.
- Sinh ngày : 01/05/1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Nguyên quán : Hòa Phát, Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.
- Địa chỉ thường trú : 53 Lê Đình Thám, Q Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại cơ quan : 0236.3759991
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân thống kê
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Trước 1983	Sở công nghiệp tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng	Kế toán viên
1983 – 12/1989	Công ty Dệt may 29/3	Nhân viên kế toán
1990 – 1992	Công ty Dệt may 29/3	Phó phòng kế toán
1992 – nay	Công ty Dệt may 29/3	Trưởng phòng kế toán, Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu: 220.000 cổ phần, chiếm 4,23% tổng số cổ phần đang lưu hành
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Sở hữu cổ phiếu tại các công ty khác: Không có

**4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty**

Việc quản trị Công ty luôn được Ban lãnh đạo Hachiba quan tâm và thường xuyên có những điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Điều lệ công ty. Ngoài ra, nhằm mục đích tăng cường quản trị Công ty, HĐQT dự kiến sẽ triển khai một số biện pháp sau:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch cổ phiếu, minh bạch đối với các thông tin công bố.

- Xây dựng và hoàn thiện định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới; xác định rõ mục tiêu phát triển để xây dựng chiến lược kinh doanh dịch vụ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty; xác định giá trị cốt lõi của Công ty và xây dựng các biện pháp gìn giữ giá trị và nâng cao giá trị cốt lõi này.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các phòng ban.

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

Theo Nghị định hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017, trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát của công ty không đáp ứng được quy định tại khoản 2 và khoản 4, Điều 20 của Nghị định này. Công ty sẽ xem xét cơ cấu lại cho phù hợp với tiêu chuẩn về Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định hiện hành trong thời gian sớm nhất.

### **III. PHỤ LỤC**

Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, Báo cáo tài chính Quý III/2019 do Công ty tự lập.

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0400100457, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27/03/2007 đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/11/2018.

*Đà Nẵng, ngày 5 tháng 12 năm 2019*

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**



**PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT**

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**



**TRẦN THỊ THU THANH**